| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>--------<br>Bản án số: **184**/2024/HS - ST<br>Ngày: 12/9/2024 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>---------- |

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Hoài***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Nguyễn Anh Đức***

***2. Ông Hoàng Văn Huệ***

Thư ký phiên tòa: ***Ông Bùi Sơn Dũng*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

***Bà Chu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên***

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 166/2024/HS-ST ngày 06/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST - HS ngày 26/8/2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1997; HKTT + Nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, Tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tuấn H và bà Lưu Thị T; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 292 do Công an huyện Thanh Trì lập ngày 02/5/2024. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội – có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Vũ Mạnh C, sinh năm 1993; Địa chỉ: xã T, huyện K, Tỉnh Hưng Yên (xin vắng mặt).

**- Người có QLNV liên quan**:

+ Chị Phan Thị Vân K – Sinh năm 1976; Địa chỉ: 197 đường N, phường N, quận L, Hà Nội (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tuấn H – Sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, Tỉnh H – có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Nguyễn Tuấn T ở cùng phòng trọ với anh Vũ Mạnh C tại tầng 4 số nhà 5 ngõ 73, Xã T, huyện T, Hà Nội. Sáng ngày 05/04/2024, T thấy anh C đã đi làm,

lúc này trong nhà không có ai nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy Honda SH 150i, BKS: 89E1-744.50 của anh C để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T lấy chiếc chìa khóa xe máy để trên bàn rồi đi xuống tầng 1 của khu trọ và dắt chiếc xe máy của anh C đi ra bên ngoài. Sau đó, T dùng chìa khóa xe nổ máy và điều khiển chiếc xe đi đến cửa hàng cầm đồ Hương K của chị Phan Thị Vân K tại số 197 đường N, phường N, quận L, Hà Nội. Tại đây, T cầm cố chiếc xe máy này cho chị K và được chị K chuyển tiền từ số tài khoản 19028548600017 tại ngân hàng Techcombank mang tên Phan Thị Vân K đến số tài khoản 1015703473 tại ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Tuấn T. Sau khi nhận được tiền, T đã tiêu xài cá nhân hết. Do sợ anh C về nhà sẽ phát hiện sự việc nên T đã đi vay tiền bạn bè rồi quay lại cửa hàng của chị K chuộc lại chiếc xe của anh C. Sau đó, T điều khiển chiếc xe máy về phòng trọ nhưng không thấy anh C ở nhà nên T quay lại cửa hàng cầm đồ của chị K để cầm cố chiếc xe của anh C lấy 18.000.000đồng bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản của chị K đến tài khoản của T. T đã sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân hết và bỏ đi. Việc thoả thuận cầm cố tài sản giữa T và chị K không lập thành văn bản.

Sau khi phát hiện chiếc xe máy của mình đã bị trộm cắp, ngày 21/04/2024, anh Vũ Mạnh C đến Công an xã T – Công an huyện Thanh Trì trình báo sự việc. Ngày 23/04/2024, Nguyễn Tuấn T đến Công an huyện Thanh Trì đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS ngày 26/04/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS – UBND huyện Thanh Trì kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 89E1-744.50 có giá trị là 77.364.200 đồng.

**Tại cơ quan điều tra:**

- Nguyễn Tuấn T khai: Ngày 05/04/2024, T đề nghị cầm cố chiếc xe máy của anh C cho chị K với giá 15.000.000 đồng. T nói không có giấy tờ đăng kí xe nhưng chị K vẫn đồng ý cầm cố chiếc xe máy và chị K quy định lãi theo kì, mỗi kì là 10 ngày và tiền lãi là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Chị K đã chuyển số tiền 15.000.000 đồng từ số tài khoản của chị K tại ngân hàng Techcombank đến số tài khoản của Nguyễn Tuấn T tại ngân hàng Vietcombank và chưa thu tiền lãi. Khi chuộc xe, T phải trả chị K 16.500.000đồng (bao gồm 1.500.000đồng tiền lãi). Lần thứ 2 T yêu cầu cầm xe với giá 20.000.000đồng, chị K chuyển khoản cho T số tiền 18.000.000đồng, cắt lãi 2.000.000đồng.

- Anh Vũ Mạnh C khai nhận nội dung vụ việc như đã nêu trên. Anh C đã nhận lại xe, không yêu cầu gì về dân sự.

- Chị Phan Thị Vân K không thừa nhận việc cầm cố xe mô tô của T. Chị K khai: Khoảng 11 giờ ngày 05/04/2024, Nguyễn Tuấn T điều khiển xe mô tô Honda SH 150i, BKS: 89E1-744.50 đến cửa hàng của chị K và hỏi bán chiếc xe mô tô này. T nói giấy tờ đăng ký xe do bạn T đang cầm, chiếc xe mô tô đăng ký chính chủ tên T do bố của T mới mua cho. Trong lúc chị K đang nhờ người kiểm tra thông tin và giá của chiếc xe, T đề nghị chị K chuyển trước cho T số tiền 15.000.000 đồng và chị K đồng ý chuyển số tiền này cho T. Hơn 01 giờ sau, T nói bạn của T chưa mang được đăng ký xe đến nên trả lại tiền cho chị K. Do T nói muốn lấy 1.500.000 đồng tiền mặt nên T đã chuyển khoản cho chị K tổng số tiền 16.500.000 đồng, chị K đã đưa cho T

số tiền 1.300.000 đồng (trừ đi 200.000 đồng là tiền phí chị K đổi tiền cho T). Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T quay lại cửa hàng của chị K và tiếp tục đề nghị bán chiếc xe Honda SH 150i, BKS: 89E1-744.50 và nói bạn của T sẽ mang giấy đăng ký xe đến. Trong lúc chờ bạn mang đăng ký xe đến, T nói với chị K chuyển cho T 18.000.000đồng bảo đi ăn rồi quay lại sau nhưng sau đó T không quay lại đưa giấy tờ xe cho chị K. Đối với sổ sách ghi chép việc cầm cố tài sản, chị K đã làm thất lạc nên không giao nộp được cho Cơ quan Điều tra. Chị K đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền đã chuyển cho bị cáo, chị K không có yêu cầu gì về dân sự.

- Ông Nguyễn Tuấn H – bố của T đã trả lại cho chị K số tiền 18.000.000đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này.

- Quá trình điều tra xác định, trước đây Nguyễn Tuấn T đã nhiều lần đến cửa hàng của chị K để cầm cố xe máy Honda Wave, BKS: 89E1-338.67 của T và xe máy Honda SH Mode, BKS: 89E1-235.92 là tài sản của ông Nguyễn Tuấn H - bố đẻ của T. Khi cầm cố xe, T không có đăng ký xe, chỉ cho chị K xem ảnh chụp giấy đăng ký xe trên điện thoại, chị K biết xe máy Honda SH Mode, BKS: BKS: 89E1-235.92 không phải là của T mà là tài sản của bố T nhưng vẫn nhận cầm cố tài sản. Do đó, ngày 19/07/2024, Công an huyện Thanh Trì đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với chị K về hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP với mức phạt tiền 7.500.000 đồng.

- Đối với lời khai của Nguyễn Tuấn T về việc chị Phan Thị Vân K có hành vi nhận cầm đồ với mức lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, chị K không thừa nhận việc cầm cố tài sản với mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật như vậy. Ngoài lời khai của T, Cơ quan Điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì khác nên không có căn cứ để xử lý đối với chị K về hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

- Đối với hành vi Nguyễn Tuấn T cầm cố chiếc xe mô tô Honda SH Mode, BKS: 89E1-235.92 là tài sản của ông Nguyễn Tuấn H - bố đẻ của T, ông H và T đều khai ông H đã cho T sử dụng chiếc xe này từ đầu năm 2024. Do T nợ tiền của bạn, không có tiền trả nên đã hỏi ông H cho T cầm cố chiếc xe để lấy tiền trả nợ và ông H đồng ý. Sau đó vài ngày, ông H đã đến cửa hàng của chị K chuộc lại chiếc xe. Ông H không yêu cầu T phải trả lại cho ông H số tiền chuộc xe. Do đó, hành vi của T không cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Điều tra không xử lý đối với T.

**Bản cáo trạng số 165/CT - VKSTT** ngày 06/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**Tại phiên toà:**

* Bị cáo Nguyễn Tuấn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Thanh Trì truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Ông Nguyễn Tuấn H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã thay bị cáo bồi thường cho chị K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo từ 32 - 36 tháng tù.

- Về dân sự: Không phải xét.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án - có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 05/04/2024, tại tầng 1 khu trọ ở số 5, ngõ 73, xã T, huyện Thanh Trì, Hà Nội, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Tuấn T đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Honda SH 150i, BKS: 89E1-744.50 của anh Vũ Mạnh C có giá trị là 77.364.200 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo mới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

**[3]** Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo; bị cáo đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo l à tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

**[4]** Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đang bị áp dụng biện pháp tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**[**5**]** Về bồi thường dân sự và vấn đề khác trong vụ án:

- Anh C đã nhận lại chiếc xe bị bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Phan Thị Vân K không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, chị K đã bị xử phạt hành chính về hành vi cầm cố tài sản của người khác khi không có giấy ủy quyền của chủ tài sản cho người mang đi cầm đồ; chị K đã được gia đình trả lại số tiền bị cáo đã cầm cố tài sản, chị K không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Nguyễn Tuấn H – bố của T đã trả lại cho chị K số tiền 18.000.000đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với hành vi Nguyễn Tuấn T cầm cố chiếc xe mô tô Honda SH Mode, BKS: 89E1-235.92 là tài sản của ông Nguyễn Tuấn H - bố đẻ của T, ông H và T đều khai ông H đã cho T sử dụng chiếc xe này từ đầu năm 2024. Do T nợ tiền của bạn nên đã hỏi ông H cho T cầm cố chiếc xe để lấy tiền trả nợ và ông H đồng ý. Sau đó vài ngày, ông H đã đến cửa hàng của chị K chuộc lại chiếc xe. Ông H không yêu cầu T phải trả lại cho ông H số tiền chuộc xe. Do đó, hành vi của T không cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Điều tra không xử lý đối với T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[6]** Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[7]** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Tuấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

**2. Áp dụng:** Điểm c Khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt**: Bị cáo Nguyễn Tuấn T **30 (ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

**3. Về vật chứng, dân sự:** Không xét.

**4. Về án phí:** Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo**: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Cơ sở giam giữ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.Thanh Trì, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Thanh Trì, Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người bị hại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hoài**